

MORNING CHANTING _ DAY 7 - BÀI TỤNG BUỔI SÁNG _ NGÀY THỨ 7



- 1.a) Jāgo logo jagata ke,
bītī kālī rāta;
huā ujālā dharama kā
maṅgala huā prabhāta.
- Mọi người trên thế gian, hãy thức tỉnh!
Đêm tối đã qua.
Ánh sáng của Dhamma đã đến,
bình minh của hạnh phúc.
- People of the world, awake!
The dark night is over.
The light has come of Dhamma,
the dawn of happiness.
- Āo prāṇī viśva ke,
suno Dharama kā jñāna;
isa meṅ sukha hai, śānti hai,
mukti mokṣa nirvāṇa.
- Hãy đến, chúng sanh trong vũ trụ,
lắng nghe trí tuệ về Dhamma
Nơi có hạnh phúc và an lạc,
Tự do, giải thoát, niết bàn
- Come, beings of the universe,
listen to the wisdom of the Dhamma.
In this lie happiness and peace,
freedom, liberation, nibbana.
- Yaha to vāṇi buddha kī,
śuddha dharama kī jyota;
akṣara akṣara meṅ bharā,
maṅgala otaparota.
- Đây là những lời của Đức Phật
sáng chói trong Dhamma tinh khiết
Mỗi từ tràn đầy
và thấm nhuần hạnh phúc
- These are the words of the Buddha,
the radiance of pure Dhamma,
each syllable of them filled
and permeated with happiness.
- Buddha-vāṇī mīṭhī ghaṇī,
misarī ke se bola;
kalyāṇī maṅgalamayī,
bharā amṛtarasa ghola.
- Ngọt ngào là những lời của Đức Phật
mỗi câu như mật ngọt,
đem lại an lạc và hạnh phúc,
tràn đầy hương vị bất tử.
- Sweet are the words of the Buddha,
each phrase like honey,
yielding welfare and happiness,
suffused with the taste of the deathless.
- 2.a) **Deva-āhvānasuttam**
Samantā cakkavāḷesu,
atrāgacchantu devatā; (3x)
saddhammaṃ munirājassa,
suṇantu sagga-mokkhadaṃ.
Dhammassavaṇakālo ayam,
bhadantā' (3x)
- Tới các vị Chư Thiên**
Chư Thiên từ khắp trong các hệ thế giới,
xin hãy tụ họp nơi đây, (3x)
để lắng nghe Giáo pháp thuần khiết
sẽ dẫn tới cõi trời và giải thoát,
Xin những vị đáng kính,
bây giờ là lúc nên lắng nghe Dhamma, (3x)
- Address to the Devas**
From throughout the world systems
assemble here, oh devas, (3x)
to listen to the pure Dhamma of the king
of sages, leading to heaven and liberation.
It is now time for listening to the Dhamma
, respected ones. (3x)

3.) namo tassa bhagavato arahato sammā-sambuddhassa. (3x)	Thành tâm cung kính Ngài, Đấng Thế Tôn, Bậc Chiến Thắng, Giải Thoát, Bậc Tự Giác Ngộ Hoàn Toàn. (3x)	Homage to him, the blessed one, the worthy conqueror, the fully self-enlightened Buddha. (3x)
4.) Buddhamaṃ saraṇamaṃ gacchāmi; dhammaṃ saraṇamaṃ gacchāmi; saṅghamaṃ saraṇamaṃ gacchāmi.	Con quay về nương tựa Đức Phật, Con quay về nương tựa Dhamma, Con quay về nương tựa Sangha.	I take refuge in the Buddha, I take refuge in the Dhamma, I take refuge in the Sangha.
5.) Imāya dhammānudhammapaṭṭipattiyā, buddhamaṃ pūjemi; dhammaṃ pūjemi; saṅghamaṃ pūjemi.	Dhamma là con đường con nguyện đi từng bước từ đầu đến đích cuối. Con cung kính Đức Phật; Con cung kính Dhamma; Con cung kính Sangha.	By walking on the path of Dhamma from the first step to the final goal, I pay respects to the Buddha; I pay respects to the Dhamma; I pay respects to the Sangha.
6.) Ye ca Buddhā atītā ca, ye ca Buddhā anāgatā; paccuppannā ca ye Buddhā, ahaṃ vandāmi sabbadā.	Chư Phật trong quá khứ, Chư Phật trong tương lai, Chư Đức Phật hiện tiền, con luôn luôn cung kính.	To the Buddhas of the past, to the Buddhas yet to come, to the Buddhas of the present, always I pay respects.
Ye ca Dhammā atītā ca, ye ca Dhammā anāgatā; paccuppannā ca ye Dhammā, ahaṃ vandāmi sabbadā.	Dhammas trong quá khứ, Dhammas trong tương lai, Dhammas trong hiện tại, con luôn luôn cung kính.	To the Dhammas of the past, to the Dhammas yet to come, to the Dhammas of the present, always I pay respects.
Ye ca Saṅghā atītā ca, ye ca Saṅghā anāgatā; paccuppannā ca ye Saṅghā, ahaṃ vandāmi sabbadā.	Sanghas trong quá khứ, Sanghas trong tương lai, Sanghas trong hiện tại, con luôn luôn cung kính.	To the Sanghas of the past, to the Sanghas yet to come, to the Sanghas of the present, always I pay respects.
7.) natthi me saraṇamaṃ aññaṃ, Buddho me saraṇamaṃ vamaṃ; etena	Con không nương tựa vào nơi nào khác, Đức Phật là nơi nương tựa tuyệt đỉnh của con. Với lời chân thật này	No other refuge have I, the Buddha is my supreme refuge. By this true utterance

sacca-vajjena, jayassu jaya-
maṅgalaṃ.

natthi me saraṇaṃ aññaṃ,
Dhammo me saraṇaṃ varaṃ;
etena sacca-vajjena,
bhavatu te jaya-maṅgalaṃ.

natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Saṅgho
me saraṇaṃ varaṃ; etena sacca-
vajjena, bhavatu sabba-maṅgalaṃ.

Tiratana Vandanā

8.) Iti'pi so bhagavā arahaṃ,
sammā-sambuddho, vijjācaraṇa-
sampanno, sugato,
lokavidū,
anuttaro purisa-damma-sārathī,
satthā deva-manussānaṃ, Buddho
Bhagavā 'ti.

9.) Svākkhāto Bhagavatā Dhammo,
sanditṭhiko,
akāliko,
ehi-passiko,
opaneyyiko,
paccattaṃ veditabbo viññūhī' ti.

nguyện được chiến thắng và hạnh phúc.
Con không nương tựa vào nơi nào khác,
Dhamma là nơi nương tựa tuyệt đỉnh của con.
Với lời chân thật này nguyện quý vị được
chiến thắng và hạnh phúc.

Con không nương tựa vào nơi nào khác,
Sangha là nơi nương tựa tuyệt đỉnh của con.
Với lời chân thật này nguyện mọi chúng sinh
được hạnh phúc.

Ngài là bậc đích thực : đã thanh lọc mọi bất
tịnh, diệt trừ mọi phiền não bằng nỗ lực bản
thân được giác ngộ hoàn toàn, hoàn hảo trong
lý thuyết hoàn hảo trong thực hành, đạt được
đích cuối cùng, hiểu biết toàn thể vũ trụ, Thầy
dạy cả loài người, thật không ai sánh bằng
.Thầy dạy cả chư thiên Đức Phật, Đấng Thế
Tôn.

Lời dạy của Đấng Thế Tôn,
được giảng giải rõ ràng
tự mình có thể thấy,
kết quả được chứng nghiệm
bây giờ và tại đây,
mời gọi người đến chứng nghiệm,
đưa thẳng tới mục tiêu,
ai cũng chứng nghiệm được nếu là người có
trí.

may there be victory and happiness.

No other refuge have I,
the Dhamma is my supreme refuge.
By this true utterance
may you have victory and happiness.

No other refuge have I,
the Sangha is my supreme refuge.
By this true utterance
may all beings be happy.

Such truly is he: freed from impurities,
having destroyed all mental defilements,
fully enlightened by his own efforts,
perfect in theory and in practice, having
reached the final goal, knower of the
entire universe, incomparable trainer of
men, teacher of gods and humans, the
Buddha, the Blessed One.

Clearly expounded is the teaching of the
Blessed One,
to be seen for oneself,

giving results here and now,

inviting one to come and see,
leading straight to the goal,
capable of being realized by any intelligent
person.

10.) Suppaṭipanno Bhagavato sāvaka-saṅgho;	Những người tu tập tốt hợp thành một đoàn thể đệ tử Đấng Thế Tôn.	Those who have practiced well form the order of disciples of the Blessed One;
ujjuppaṭipanno Bhagavato sāvaka-saṅgho;	Những người thực hành cần mẫn hợp thành một đoàn thể đệ tử Đấng Thế Tôn.	those who have practiced uprightly form the order of disciples of the Blessed One;
ñāyappaṭipanno Bhagavato sāvaka saṅgho;	Tu tập với trí tuệ là người thuộc đoàn thể đệ tử Đấng Thế Tôn.	those who have practiced wisely form the order of disciples of the Blessed One;
sāmīcippaṭipanno Bhagavato sāvaka-saṅgho;	Tu tập thật đúng đắn là người thuộc đoàn thể đệ tử Đấng Thế Tôn.	those who have practiced properly form the order of disciples of the Blessed One;
yadidaṃ cattāri purisa-yugāni, aṭṭha-purisa-puggalā, esa Bhagavato sāvaka-saṅgho;	Có thể chia thành bốn hoặc chia thành tám loại những người thuộc đoàn thể đệ tử Đấng Thế Tôn.	that is, the four pairs of persons, the eight kinds of individuals - these form the order of disciples of the Blessed One:
āhuneyyo, pāhuneyyo, dakkhiṇeyyo, añjali-karaṇīyo, anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassā'ti.	xứng đáng được cúng dường , xứng đáng được cung phụng, xứng đáng được dâng hiến, xứng đáng được cung kính, ruộng phước của thế gian không ai sánh bằng.	worthy of gifts, of hospitality, of offerings, of reverent salutation, an incomparable field of merit for the world.
Bojjhaṅgaparitta	Pháp Thoại Bảo Vệ về Yếu Tố Giác Ngộ	Protective Discourse on the Factors of Enlightenment
Saṃsāre saṃsarantānaṃ, sabbadukkhavināsake; sattadhamme ca bojjhaṅge, Mārasenappamaddane.	Cho chúng sinh trầm luân trong vòng sinh tử, để diệt trừ mọi khổ đau và đánh bại đội quân Mara, (có) bảy yếu tố giác ngộ.	For beings caught in the cycle of birth and death, for eradicating all their suffering and defeating the army of Māra, [there are] the seven factors of enlightenment.

Bujjhivā ye cime sattā,
tibhavā muttakuttamā;
ajātiṃ ajarābyādhiṃ,
amataṃ nibbhayaṃ gatā.

Evamādi guṇūpetam,
anekaguṇasaṅgahaṃ;
osadhañca imaṃ mantam,
bojjhaṅgañca bhaṇāmahe.

Bojjhaṅgo satsaṅkhāto,
dhammānaṃ vicayo tathā;
vīriyaṃ pīti passaddhi,
bojjhaṅgā ca tathā pare.

Samādhupekkhā bojjhaṅgā,
sattete sabbadassinā;
muninā sammadakkhātā,
bhāvitā bahulīkatā.

Samvattanti abhiññāya,
nibbānāya ca bodhiyā;
etena saccavajjena,
sothi te hotu sabbadā.

Ekasmiṃ samaye nātho,
Moggallānañca Kassapaṃ;
gilāne dukkhite disvā,
bojjhaṅge satta desayī.

Chúng ngộ bảy yếu tố này,
những người toàn thiện thoát khỏi ba loại
sinh tồn và thoát khỏi sinh, lão, bệnh;
họ đạt được bất tử và vô úy.

Được ban cho ưu điểm như thế,
với vô vàn lợi lạc,
đây là những lời làm hết bệnh.
Chúng ta hãy tụng những yếu tố giác ngộ này.

Những yếu tố giác ngộ là:
ý thức tìm hiểu cận kề về Dhamma,
nỗ lực, hoan hỷ, bình tâm
là những yếu tố giác ngộ, và thêm nữa:
định tâm và bình tâm

Bảy yếu tố này được giảng dạy chu đáo,
thực hành và trau dồi
bởi bậc thánh toàn giác

Chúng mang lại trí tuệ cao hơn,
tới nibbana và giác ngộ.
Với tuyên ngôn chân thực này
Nguyện quý vị mãi mãi được hạnh phúc.

Có một lần, Đấng Thế Tôn thấy Moggallana và
Kassapa bệnh hoạn và đau đớn;
Ngài thuyết giảng cho họ
bảy yếu tố giác ngộ.

Realizing these seven, these excellent ones
are liberated from the three types of
existence and freed from birth, decay and
sickness; they experience deathlessness
and fearlessness.

Endowed with such advantages,
with innumerable benefits,
these are words of healing.
Let us recite the factors of enlightenment.

The factors of enlightenment, namely:
awareness, analytical investigation of the
Dhamma, effort, bliss, tranquility are
factors of enlightenment, and the others:
concentration and equanimity.

These seven were well taught,
practiced and cultivated
by the all-seeing Sage.

They lead to higher wisdom,
to nibbāna and enlightenment.
By this true utterance
may you forever be happy.

At one time, the Lord saw Moggallāna and
Kassapa sick and in pain;
and he preached to them
the seven factors of enlightenment.

Te ca taṃ abhinanditvā, rogā
muccim̐su taṅkhaṇe;
etena saccavajjena,
soṭṭhi te hotu sabbadā.

Ekadā dhammarājāpi,
gelaññenābhipīḷito;
Cundattherena taṃ yeva,
bhaṇāpetvāna sādaraṃ.

Sammoditvāna ābādhā,
tamhā vuṭṭhāsi ṭhānaso;
etena saccavajjena,
soṭṭhi te hotu sabbadā.

Pahīnā te ca ābādhā,
tiṇṇannampi Mahesinaṃ;
maggāhatā kilesāva,
pattānuppattidhammataṃ;
etena saccavajjena,
soṭṭhi te hotu sabbadā.

Post-Pāli Sutta

Yānīdha bhūtāni samāgatāni,
bhum māni vā yāni'va antalikkhe;
tathāgataṃ devamanussapūjitaṃ,
buddhaṃ namassāma suvatthi
hotu;

dhammaṃ namassāma suvatthi
hotu;

Mừng vui được như vậy,
Họ hết bệnh ngay lập tức.
Với tuyên ngôn chân thực này
Nguyện cho quý vị mãi mãi được hạnh phúc.

Một lần chính vua Dhamma
bị bệnh.
Ngài nói Trưởng Lão Cunda
tụng lời dạy này với sự tôn kính,

Đầy hoan hỉ,
đấng Thế Tôn lập tức hết bệnh.
Với tuyên ngôn chân thực này
Nguyện cho quý vị mãi mãi được hạnh phúc.

Ba Vĩ Nhân này vĩnh viễn
thoát khỏi bệnh tật,
chỉ bước đi trên Con Đường diệt bất tịnh,
đạt được thành quả theo đúng Quy Luật.
Với tuyên ngôn chân thực
nguyện cho quý vị mãi mãi được hạnh phúc.

Bất cứ chúng sinh nào tề tựu nơi đây,
dù là người hay chư thiên,
Đấng Tathagata được người và trời cung kính,
chúng con cung kính Đức Phật;
(bằng tuyên ngôn về sự thật này)
nguyện cho hạnh phúc hiện diện.

Chúng con cung kính Dhamma;
(bằng tuyên ngôn về sự thật này)

Rejoicing at this, they were freed from
sickness at that very moment.
By this true utterance
may you forever be happy.

Once the King of Dhamma
himself was afflicted by sickness.
He asked Cunda the elder to recite
this very teaching with reverence.

And having rejoiced,
the Lord rose up from that sickness.
By this true utterance
may you forever be happy.

Eliminated forever were the illnesses of
these three great Sages,
just as walking on the Path destroys
defilements, bringing all that is to be
attained in accordance with the Law.
By this true utterance
may you forever be happy.

Whatever beings are here assembled,
whether terrestrial or celestial,
the Tathāgata is revered by gods and men;
we pay respects to the Buddha;
[by the utterance of this truth]
may there be happiness;
we pay respects to the Dhamma; [by the
utterance of this truth]
may there be happiness;

saṅghaṃ namassāma suvatthi
hotu.

nguyện cho hạnh phúc hiện diện;
Chúng con cung kính Sangha;
(bằng tuyên ngôn về sự thật này)
nguyện cho hạnh phúc hiện diện.

we pay respects to the Sangha; [by the
utterance of this truth]
may there be happiness.

namana karūṇ gurudeva ko,
savinaya śīśa navāya;
dharama ratana aisā diyā,
pāpa nikaṭa nahīn āya.

Tôi cung kính vị Thầy kính mến của tôi,
Tôi cúi đầu lạy dưới chân Ngài;
Ngài đã cho tôi châu báu Dhamma,
nên ma vương không thể tới gần.

I pay homage to my revered teacher,
humbly bowing my head.
He gave me such a jewel of Dhamma
that evil cannot approach.

Aisā cakhāyā dharama rasa,
biṣayana rasa na lubhāya;
dharama sāra aisā diyā,
chilake diye chuḍāya.

Ngài cho tôi nếm hương vị Dhamma,
giờ không khoái cảm nào có thể sánh bằng.
Với Dhamma chân thật Ngài trao truyền
vỏ của vô minh được đập vỡ.

He let me taste Dhamma's nectar,
now no sensual pleasure can allure.
Such an essence of Dhamma he gave, that
the shell [of ignorance] dropped away.

roma roma kirataga huā,
ṛṇa na cukāyā jāya;
jīṇ jīvana dharama kā, dukhiyana
kī sevā karūṇ,
yahī ucita upāya.

Lòng biết ơn tuôn trào từ mỗi lỗ chân lông
Tôi không thể trả được món nợ này.
Tôi sẽ sống cuộc đời Dhamma và phục vụ
những người đau khổ [trên thế gian],
đây là cách [để trả nợ] duy nhất.

From every pore such gratitude
is pouring I cannot repay the debt
I will live the Dhamma life and serve the
suffering people [of the world],
this is the only way [to repay the debt].

Isa sevā ke puṇya se,
sukhī hoṇya saba loga;
sabake mana jāge dharama,
dūra hoyā bhava roga.

Với phước lành của sự phục vụ này,
nguyện cho tất cả mọi người được hạnh phúc.
Nguyện cho Dhamma khởi sinh trong tâm của
tất cả, nguyện cho tất cả được giải thoát khỏi
vòng luân hồi.

By the merits of this service,
may all people be happy.
May Dhamma arise in the minds of all,
may all be freed from the cycle of
existence.

Dukhiyāre dukhamukta hoṇ,
bhaya tyāgeṇ bhayabhīta;
baira choḍa kara loga saba,
kareṇ paraspara pīta.

Nguyện cho khổ đau được thoát khỏi khổ đau,
nguyện cho sợ hãi được thoát khỏi sợ hãi
Từ bỏ hận thù, nguyện cho tất cả chúng sinh
có tình thương yêu lẫn nhau.

May the suffering be freed from suffering,
may the fearful be freed from fear,
Renouncing enmity, may all beings have
affection for one another.

Bhavatu sabba maṅgalaṃ(3x)	Nguyện tất cả chúng sinh được hạnh phúc.	May all beings be happy
Sabakā maṅgala, sabakā maṅgala, sabakā maṅgala hoyā re.	Nguyện cho tất cả được hạnh phúc, nguyện cho tất cả được hạnh phúc, nguyện cho tất cả được hạnh phúc!	May all be happy, may all be happy, may all be happy!
Terā maṅgala, terā maṅgala, terā maṅgala hoyā re.	Nguyện cho quý vị được hạnh phúc, nguyện cho quý vị được hạnh phúc, nguyện cho quý vị được hạnh phúc!	May you be happy, may you be happy, may you be happy!
Isa dharatī ke jitane prāṇī, tapobhūmi ke jitane tāpasa, maṅgala se bharapūra hoñ. (2x) rāga dveṣa sabake miṭṭha jāyeñ, (2x) roga śoka saba dūra hoñ. (2x)	Nguyện cho tất cả chúng sinh trên trái đất này, nguyện cho tất cả những ai hành thiền trên mảnh đất Dhamma này, được tràn đầy hạnh phúc. Nguyện cho ham muốn và ghét bỏ của tất cả chúng sinh được diệt trừ, nguyện cho tất cả chúng sinh không còn bệnh tật và sầu đau.	May all the beings on this earth, may all the meditators on this Dhamma land, be filled with happiness. May their craving and aversion be eradicated, may they be free of disease and sorrows.
Sabakā maṅgala, sabakā maṅgala, sabakā maṅgala hoyā re.	Nguyện cho tất cả được hạnh phúc, nguyện cho tất cả được hạnh phúc, nguyện cho tất cả được hạnh phúc!	May all be happy, may all be happy, may all be happy!
Terā maṅgala, terā maṅgala, terā maṅgala hoyā re.	Nguyện cho quý vị được hạnh phúc, nguyện cho quý vị được hạnh phúc, nguyện cho quý vị được hạnh phúc!	May you be happy, may you be happy, may you be happy!
Jana jana maṅgala, jana jana maṅgala, jana jana sukhiyā hoyā re.	Nguyện mọi chúng sinh được hạnh phúc, nguyện mọi chúng sinh được hạnh phúc, nguyện mọi chúng sinh được hạnh phúc!	May all beings be happy, may all beings be happy, may all beings be peaceful!